

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **14/2022/HC-ST**

Ngày 14/4/2022

*V/v khởi kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai về thu hồi, bồi thường
và tái định cư.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Quy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Công Trí và ông Nguyễn Ngọc Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Ninh Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 66/2018/TLST-HC ngày 24 tháng 10 năm 2018 về việc “Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HC ngày 28/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐ-PT ngày 22/3/2022; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 68/TB-TA ngày 04/4/2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Bích T – sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn Thạch Ch, phường Hòa Xuân T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị xã Đông H và Chủ tịch UBND thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thị xã Đông H và Chủ tịch UBND thị xã Đông H: Ông Nguyễn Văn H1 – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ UBND xã Hòa T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị L1 – Công chức địa chính UBND xã Hòa T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

2/ Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Văn Phú Tr1 – Nhân viên Trung tâm phát triển quỹ đất; Có mặt.

3/ Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đông H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tấn P– Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Đông H. Có mặt.

4/ Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đông H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Kim L2 – Phó Giám đốc phụ trách; Có Đơn xin vắng mặt.

5/ Chi cục Thuế thị xã Đông H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Phát Tr2 – Phó Đội trưởng Đội nghiệp vụ Quản lý thuế; Có mặt.

6/ Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Trần Thị Mỹ Ch1 – sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn Phước T, xã Hòa T, thị xã Đông H, tỉnh Phú Yên. Có Đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa người khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích T trình bày: Ngày 27/3/2006, bà Nguyễn Thị Bích T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*viết tắt QSDĐ*) từ vợ chồng ông Huỳnh Phi L3 và bà Trần Thị Mỹ Ch1, đến ngày 30/01/2008 bà T được UBND huyện Đông H cấp GCN QSD đất diện tích 3.461m² (trong đó 400m² đất ở và 3.061m² đất trồng cây lâu năm).

Đến năm 2017, UBND huyện Đông H (nay là thị xã Đông H) có Quyết định số 4862/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 về việc điều chỉnh diện tích đất ở của bà T đã được UBND huyện Đông H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQĐĐ*) từ 400m² thành 250m². Bà T có đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 918/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bích T, kết quả không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà T.

Đối với 400m² đất ở bị thu hồi thì bà T yêu cầu UBND thị xã Đông H phải bồi thường bằng đất ở tại vị trí khác tương tự trên địa bàn để bà xây dựng nhà ở hoặc giao đất tái định cư. Vì tổng số tiền bồi thường theo quyết định phê duyệt phương án bồi thường năm 2018 quá thấp so với số tiền bà T bỏ ra mua đất vào năm 2006, hiện nay không đủ để mua lô đất ở tại địa bàn thị xã Đông H.

Bà T và các con sinh sống tại ngôi nhà diện tích đất 25m² có nguồn gốc do cha mẹ chồng để lại, không đủ diện tích tối thiểu để cả gia đình sinh sống nên bà T mới nhận chuyển nhượng QSDĐ nêu trên với mục đích xây dựng nhà ở. Khi nhà nước thu hồi đất thì bà đã chấp hành giao đất để thực hiện dự án, nhưng số tiền bồi thường quá thấp so với thực tế và không bồi thường cho bà bằng đất ở tại vị trí khác là không hợp lý. Sau khi Tòa án tạm ngưng phiên tòa để thu thập chứng cứ thì UBND thị xã Đông H đã bồi thường cho bà T 01 lô đất ở có diện tích 192m², tại Khu tái định cư Phú L, thị xã Đông H.

Bà Nguyễn Thị Bích T có đơn khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu hủy Quyết định 4862/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Đông H về việc điều chỉnh diện tích đất ở của bà T đã được UBND huyện Đông H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là QĐ số 4862*); hủy Quyết định 918/QĐ-UBND ngày

09/02/2018 của Chủ tịch UBND thị xã Đông H về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bích T (lần đầu) (*viết tắt là QĐ 918*) và yêu cầu UBND thị xã Đông H bồi thường đất ở diện tích 400m². Trong quá trình tố tụng, bà T được tiếp cận chứng cứ mới biết được các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường của UBND huyện Đông H đối với diện tích đất 3.461m² của bà T không thỏa đáng nên bà T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 1850/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 (*viết tắt QĐ 1850*), Quyết định thu hồi đất số 2030/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 (*viết tắt QĐ 2030*); Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 1837/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 (*viết tắt là QĐ 1837*), Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 2022/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 (*viết tắt QĐ 2022*); Quyết định chi trả tiền bồi thường số 2107/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 (*viết tắt QĐ 2017*), Quyết định chi trả tiền bồi thường số 2193/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 (*viết tắt QĐ 2193*) và Quyết định chi bổ sung trả tiền bồi thường số 4587/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 về việc điều chỉnh bổ sung Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 (*viết tắt QĐ 4587*), của UBND huyện Đông H; yêu cầu bồi thường bằng đất ở diện tích 400m² tại vị trí khác tương tự trên địa bàn để bà xây dựng nhà ở; Đối với diện tích 3.061m² đất trồng cây lâu năm yêu cầu bồi thường giá thỏa đáng và hỗ trợ theo quy định pháp luật. Ngoài ra, bà T không yêu cầu giải quyết nội dung nào khác.

Người bị kiện UBND thị xã Đông H, Chủ tịch UBND thị xã Đông H trình bày:

Nguồn gốc đất bà T nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Huỳnh Phi L3, bà Trần Thị Mỹ Ch1 vào năm 2006. Hộ ông L3 thuộc diện đi kinh tế mới Đồng Bnên được Ban điều hành dự án kinh tế mới Đồng Bgiao đất theo biên bản tạm giao ngày 12/4/1994 (trong đó có 400m² đất thổ cư).

Năm 1995, thực hiện chính sách đất đai, nhà nước đã đo đạc và lập hồ sơ địa chính năm 1998 ghi nhận hộ ông L3 có 200m² đất ở. Năm 1998, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2115/1998/QĐ-UB ngày 20/10/1998 quy định hạn mức đất ở mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 200m² đất ở hộ nông thôn ở đồng bằng.

Năm 2006, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 315/2006/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 quy định hạn mức đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân sử dụng tại các xã đồng bằng tối đa không quá 250m².

Năm 2008, UBND huyện Đông H cấp GCN QSD đất cho bà T diện tích 400m² đất ở là không đúng hạn mức theo quy định (vượt hạn mức 150m², bà T chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính).

Do đó, ngày 20/10/2017 UBND huyện ban hành Kết luận số 20/KL-UBND về việc cấp GCN QSD đất bà T, nội dung kết luận “GCNQSDĐ cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Bích T số phát hành AL 698768, số vào sổ cấp H00047 cấp ngày 30/01/2008 là không đúng quy định về hạn mức đất ở”. Ngày 31/10/2017, UBND huyện ban hành Quyết định số 4862/QĐ-UBND về việc điều chỉnh diện tích đất ở của bà T.

Năm 2018, UBND huyện ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường và đã có giấy mời bà T đến nhận tiền bồi thường nhưng bà T không đến nhận.

Việc bà T yêu cầu bồi thường bằng đất ở tại vị trí khác tương tự, thì UBND thị

xã Đông H đã họp xét bồi thường bằng đất ở cho bà Nguyễn Thị Bích T tại Khu tái định cư Phú L (giai đoạn 2) và đã tổ chức cho bà T bốc thăm trúng lô đất số 17, khu N-8, diện tích 192m². Nếu bồi thường cho bà T 02 lô đất sẽ vượt hạn mức theo quy định tại Quyết định số 57/2014 của UBND tỉnh Phú Yên.

Vì vậy, người bị kiện giữ nguyên các quyết định hành chính nêu trên và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan:

- *Phòng Tài nguyên và Môi trường*: Thống nhất nội dung theo văn bản ý kiến của UBND thị xã Đông H, Chủ tịch UBND thị xã Đông H.

- *UBND xã Hòa T trình bày*: Thống nhất như trình bày của người bị kiện. Về số tiền 02 triệu đồng bà T nộp ủng hộ ngân sách địa phương, không liên quan đến việc cấp GCN QSD đất cho bà T.

- *Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông H trình bày*: Do UBND phường Hòa Xuân T chưa có văn bản xác nhận hộ bà T có trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại địa phương hay không, nên Trung tâm PTQĐ chưa có cơ sở để lập phương án hỗ trợ khi thu hồi đất nông nghiệp của bà T. Các nội dung khác thống nhất như trình bày của người bị kiện.

- *Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đông H trình bày*: Thống nhất như trình bày của người bị kiện.

- *Chi cục Thuế thị xã Đông H trình bày*: Khi thực hiện thủ tục cấp GCN QSD đất, bà T đã nộp 1.194.000 đồng lệ phí trước bạ nhà, đất và 5.388.000 đồng thuế chuyển quyền sử dụng đất, ông L3 nộp 600.000 đồng lệ phí trước bạ nhà, đất.

Trường hợp tại thời điểm năm 2007 khi thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ diện tích đất ở 250m² và diện tích đất trồng CLN thì nghĩa vụ tài chính bà T phải thực hiện là:

+ Về lệ phí trước bạ bà T phải nộp: Đối với diện tích đất ở chưa thay đổi thì lệ phí trước bạ là 1.193.900 đồng; Đối với diện tích đất ở thay đổi thì lệ phí trước bạ là 1.178.900 đồng.

+ Thuế chuyển quyền sử dụng đất bà T phải nộp: Đối với diện tích đất ở chưa thay đổi là 5.388.000 đồng; Đối với diện tích đất ở thay đổi là 5.357.800 đồng.

+ Lệ phí trước bạ ông Huỳnh Phi L3 phải nộp: Đối với diện tích đất ở chưa thay đổi là 600.000 đồng; Đối với diện tích đất ở thay đổi là 375.000 đồng.

Như vậy nghĩa vụ tài chính về đất đai chênh lệch giảm khi thay đổi diện tích đất ở của bà T là 270.300 đồng.

UBND tỉnh vắng mặt, không có nội dung trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án đã được Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thụ lý đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng đối tượng khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định Luật tố tụng hành chính. Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của

mình theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về hủy Quyết định số 2017, Quyết định số 2193, Quyết định số 4587; Bác yêu cầu khởi kiện của bà T về yêu cầu hủy Quyết định số 4862, quyết định số 918; Quyết định số 1850.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bích T có đơn khởi kiện quyết định điều chỉnh diện tích đất, quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, quyết định chi trả tiền bồi thường và yêu cầu UBND thị xã Đông H bồi thường bằng đất ở khi thu hồi đất ở hoặc giao đất tái định cư và hỗ trợ khi thu hồi đất nông nghiệp theo đúng quy định pháp luật là các đối tượng khởi kiện vụ án hành chính; còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên theo Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Một số đương sự, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có người đại diện theo ủy quyền, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 157, Điều 158 và Điều 159 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu hủy Quyết định 4862 và Quyết định 918: Xét ngày 12/4/1994, Ban điều hành dự án kinh tế mới Đồng Bcó biên bản tạm giao 6.875m² đất (trong đó 400m² đất thổ cư, 600m² đất vườn và 5.875m² đất trồng rừng) cho ông Huỳnh Phi L3. Đến ngày 27/3/2006, vợ chồng ông L3, bà Ch1 lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 325/CN được UBND xã Hòa T chứng thực ngày 27/03/2006 thể hiện diện tích 3.025m², loại đất Thổ + Vườn thửa số 16, tờ số 119 với giá 150.000.000 đồng (BL 208). Ngày 30/01/2008, bà T được UBND huyện Đông H cấp GCN QSD đất diện tích 3.461m² (trong đó 400m² đất ở và 3.061m² đất trồng cây lâu năm).

Tuy nhiên, qua kiểm tra sổ mục kê lập năm 1998 theo Quyết định số 499/QĐ-ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục địa chính (có xác nhận của UBND xã và Giám đốc Sở địa chính) ghi nhận ông Huỳnh Phi L3 có 200m² đất thổ, 3.025m² đất vườn và 200m² đất quy hoạch thổ; Sổ địa chính lập năm 1998 theo Quyết định số 499/QĐ-ĐC ngày 27/7/1995 của Tổng cục địa chính (có xác nhận của UBND xã và Giám đốc Sở địa chính) ghi nhận ông Huỳnh Phi L3 có 3.025m² đất vườn và 200m² đất thổ. Căn cứ Công văn số 1568/BTNMT-ĐKTKĐĐ ngày 25/4/2007 về việc sử dụng sổ đã ngoại, sổ mục kê đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì Sổ địa chính nêu trên là giấy tờ về quyền sử dụng đất đã xác định ông L3 được quyền sử dụng 200m² đất thổ và 3.025m² đất vườn.

Do đó, ngày 27/3/2006 vợ chồng ông L3, bà Ch1 lập giấy chuyển nhượng cho bà T 400m² đất ở là không có cơ sở, thời điểm này ông L3 chỉ được tạm giao QSD đất, chưa được cấp GCN QSD đất, theo quy định tại khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2003 thì ông L3, bà Ch1 chưa có quyền chuyển nhượng QSD đất cho bà T. Đồng thời, Sở địa chính đã ghi nhận ông L3 được quyền sử dụng 200m² đất ở và UBND tỉnh ban hành Quyết định số 315/2006/QĐ-UBND ngày 16/02/2006 quy định hạn mức đất ở tại địa bàn này không quá 250m². Nên năm 2008, UBND huyện Đông H cấp GCN QSD đất cho bà T 400m² đất ở là không đúng quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện thủ tục thu hồi đất, UBND huyện kiểm tra và phát hiện việc cấp GCN QSD đất không đúng quy định nên ban hành Quyết định 4862 điều chỉnh hạn mức đất ở bà T từ 400m² thành 250m² là có căn cứ, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định 918 không công nhận nội dung khiếu nại của bà T là có cơ sở.

[2.2] Về yêu cầu hủy các Quyết định thu hồi đất 1850, Quyết định thu hồi đất số 2030, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 1837 và số 2022, quyết định chi trả tiền bồi thường số 2193, số 4587 và số 2017 và yêu cầu bồi thường bằng đất ở tại vị trí khác hoặc giao đất tái định cư:

- Về yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất: Thực hiện quyết định thu hồi đất của UBND huyện Đông H thì bà Nguyễn Thị Bích T đã bàn giao đất để giải phóng mặt bằng và hiện trạng một phần đất đã hoàn thành tuyến đường Phước T– Bãi Ng. Theo Quyết định thu hồi đất diện tích 250m² đất ở, còn lại 1.695m² +1.555m² đất trồng cây lâu năm là đúng quy định pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu hủy các Quyết định thu hồi đất của bà T.

- Về yêu cầu hủy quyết định phê duyệt phương án bồi thường và hủy quyết định chi trả tiền bồi thường: Theo Điều 69 Luật đất đai năm 2013 quy định...“Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư...”; “Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi...” nhưng UBND xã, Trung tâm phát triển quỹ đất Đông H không thực hiện các trình tự, thủ tục nêu trên là không đúng quy định pháp luật. Đồng thời, theo quy định tại Điều 83 Luật đất đai năm 2013 thì người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất ngoài việc được bồi thường theo quy định còn được Nhà nước xem xét hỗ trợ. Tuy nhiên, trong khi cơ quan có thẩm quyền chưa có văn bản xác định bà T có phải là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại địa phương hay không để có căn cứ xem xét hỗ trợ cho bà T khi thu hồi đất nông nghiệp, nhưng UBND thị xã Đông H đã ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho bà T là không đúng quy định nêu trên.

- Về yêu cầu bồi thường diện tích 400m² đất ở hoặc cấp đất tái định cư: Theo Điều 74 Luật đất đai năm 2013 quy định “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền...”; Điều 79 Luật đất đai năm 2013 quy định bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở: “1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở,...mà có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này khi

Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường như sau: a) Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở; trường hợp không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở thì Nhà nước bồi thường bằng tiền”; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất: “... Việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, ...khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau: a) Trường hợp thu hồi hết đất ở...mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư...”.

Xét thấy, Theo Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 1837/QĐ-UBND ngày 16/4/2018, Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND thị xã Đông H thể hiện thu hồi của bà T diện tích đất ở 250m² được bồi thường bằng tiền. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì UBND thị xã Đông H đã họp xét bồi thường bằng đất ở cho bà Nguyễn Thị Bích T tại Khu tái định cư Phú L (giai đoạn 2) và bà T bốc thăm trúng lô đất số 17, khu N-8, diện tích 192m². Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải hủy một phần Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (phần liên quan đến bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích T) và quyết định chi trả tiền bồi thường để UBND thị xã Đông H thực hiện lại trình tự, thủ tục bồi thường về đất và hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho bà Nguyễn Thị Bích T theo đúng quy định pháp luật để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[3] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

- Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Các quyết định hành chính bị khởi kiện được ban hành đúng thẩm quyền theo luật định;

- Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính: Quyết định thu hồi đất được ban hành đúng quy định pháp luật; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được ban hành không đúng quy định như đã nêu trên.

Ngày 11/12/2017, bà Nguyễn Thị Bích T khiếu nại đối với Quyết định số 4862/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Đông H về việc điều chỉnh diện tích đất ở của bà Nguyễn Thị Bích T đã được UBND huyện Đông H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 09/02/2018, UBND huyện Đông H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại của bà T là quá thời hạn theo quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại.

[4] Về nghĩa vụ tài chính khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Bà Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu xem xét, giải quyết đối với khoản tiền lệ phí trước bạ nhà, đất (1.194.000 đồng) và thuê chuyển quyền sử dụng đất (5.388.000 đồng) bà đã nộp nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích T.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do chấp

nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên người bị kiện UBND thị xã Đông H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông H phải liên đới chịu án phí hành chính sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật..

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 69, 74, 79, 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích T về các yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của UBND huyện Đông H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Nhà máy lọc dầu Vũng Rô tại xã Hòa T, huyện Đông H – phần 404 ha xây dựng nhà máy (đợt 92), (phần bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích T).

- Hủy một phần Quyết định số 2022/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện Đông H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án tuyến đường Phước Tân – Bãi Ngà (đoạn qua Nhà máy lọc dầu Vũng Rô) tại xã Hòa T, huyện Đông H (đợt 34), (phần bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích T).

- Hủy Quyết định 2193/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND huyện Đông H về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Nguyễn Thị Bích T, bị ảnh hưởng bởi dự án: Tuyến đường Phước Tân - Bãi Ngà (đoạn qua Nhà máy lọc dầu Vũng Rô) tại xã Hòa T, huyện Đông H (đợt 34);

- Hủy Quyết định số 4587/QĐ-UBND ngày 03/10/2018 của UBND huyện Đông H về việc điều chỉnh, bổ sung khoản 1, Điều 1 Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND huyện Đông H “về việc chi bổ sung trả tiền bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích T”(Đợt 34);

- Hủy Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện Đông H về việc chi trả tiền bồi thường cho bà Nguyễn Thị Bích T, bị ảnh hưởng bởi Dự án: Nhà máy lọc dầu Vũng Rô tại xã Hòa T, huyện Đông H (Phần 404ha xây dựng nhà máy) (đợt 92).

- Buộc UBND thị xã Đông H thực hiện lại trình tự, thủ tục bồi thường về đất và hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho bà Nguyễn Thị Bích T theo đúng quy định pháp luật.

2/ Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích T, về các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 4862/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của UBND huyện Đông H về việc điều chỉnh diện tích đất ở của bà Nguyễn Thị Bích T đã được UBND huyện Đông H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Hủy Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đông H về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bích T (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 1850/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của UBND huyện Đông H về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng;

- Hủy Quyết định số 2030/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện Đông H về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

- Về yêu cầu UBND thị xã Đông H bồi thường diện tích đất ở 400m² hoặc giao đất tái định cư cho bà Nguyễn Thị Bích T.

Vì không có căn cứ pháp luật.

Về án phí: Căn cứ Điều 348 Luật tổ tụng hành chính, Điều 32 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

UBND thị xã Đông H, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông H phải liên đới chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 12946 ngày 24/10/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên (BL 12).

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 358, Điều 359 Luật tổ tụng hành chính.

UBND thị xã Đông H, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông H phải liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do bà Nguyễn Thị Bích T đã nộp tạm ứng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) nên UBND thị xã Đông H, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Đông H phải liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích T 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Phòng KTNV và THA;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đậu Thị Quy